

KINH ĐẠI BÁT NIẾT BÀN

QUYỂN XXII

Phẩm 22: BỒ TÁT QUANG MINH BIẾN CHIẾU CAO QUÝ ĐỨC VƯƠNG 4

Lại nữa, này thiện nam! Sao gọi là Đại Bồ-tát tu kinh Đại Niết-bàn vi diệu thành tựu đầy đủ công đức thứ hai? Này thiện nam! Đại Bồ-tát tu Đại Niết-bàn thì cái xưa chẳng được nay được, cái xưa chẳng thấy nay thấy, cái xưa chẳng nghe nay nghe, cái xưa chẳng đến nay đến, cái xưa chẳng biết nay biết. Sao gọi là cái xưa chẳng được mà nay được? Đó là thần thông, xưa chẳng được mà nay mới được. Thần thông có hai thứ, một là nội, hai là ngoại. Thần thông ngoại thì cùng chung với ngoại đạo. Thần thông nội lại có hai: Một là thần thông của Nhị thừa, hai là thần thông của Bồ-tát. Thần thông mà Bồ-tát tu hành kinh Đại Niết-bàn chứng đắc chẳng giống với thần thông của Thanh văn, Phật-bích-chi. Sao gọi là chẳng giống với Thanh văn, Phật-bích-chi? Sự biến hóa thần thông của Nhị thừa là một tâm chỉ biến ra một, chẳng biến được nhiều. Bồ-tát chẳng vậy, ở trong một tâm thì có thể biến đầy đủ thân năm đường. Vì sao? Vì do thế lực của kinh Đại Niết-bàn nên như vậy. Đó gọi là cái xưa chẳng được mà nay được. Lại nữa, sao gọi là cái xưa chẳng được mà nay được? Đó là thân được tự tại, tâm được tự tại. Vì sao? Vì thân tâm của tất cả hàng phàm phu chẳng được tự tại, hoặc tâm theo thân, hoặc thân theo tâm. Sao gọi là tâm theo thân? Ví như người say thì rượu ở trong thân, bấy giờ thân động thì tâm cũng động theo. Cũng như thân lười thì tâm cũng lười theo. Đó gọi là tâm theo thân. Lại như, trẻ con, thân nó trẻ nhỏ thì tâm cũng nhỏ theo, còn người lớn thì thân lớn nên tâm cũng lớn theo. Lại như có người thân thể thô rít,

lòng thường suy nghĩ muốn được dầu mỡ thấm nhuần làm cho mịn màng. Đó gọi là tâm tùy theo thân. Sao gọi là thân tùy theo tâm? Đó là đi, lại, ngồi, nằm, tu hành Thí, Giới, Nhẫn nhục, Tinh tấn, hễ người sầu não thì thân gầy còm, tiêu tụy; người hoan hỷ thì thân béo mập, tươi tốt; người kinh sợ thì thân run rẩy, chao động; người chuyên tâm nghe pháp thì thân tươi vui, người buồn khổ thì nước mắt tuôn rơi. Đó gọi là thân tùy theo tâm. Bồ-tát chẳng vậy, đối với thân tâm đều được tự tại. Đó gọi là cái xưa chẳng được mà nay được. Lại nữa, này thiện nam! Thân tướng thị hiện của Đại Bồ-tát giống như vi trần. Do thân vi trần này nên đều có thể đến khắp vô lượng vô biên những thế giới Phật nhiều như cát sông Hằng, không có sự ngăn ngại mà tâm thường định như lúc ban đầu chẳng di động. Đó gọi là tâm chẳng tùy theo thân. Đó cũng gọi là cái xưa chẳng đến mà nay có thể đến. Sao gọi là xưa chẳng đến mà nay có thể đến? Chỗ mà tất cả Thanh văn, Phật-bích-chi v.v... chẳng thể đến, thì Bồ-tát có thể đến. Vậy nên gọi là cái xưa chẳng đến mà nay có thể đến. Tất cả Thanh văn, Phật-bích-chi v.v... tuy dùng thần thông nhưng chẳng thể biến thân nhỏ như vi trần đến khắp vô lượng những thế giới Phật nhiều như cát sông Hằng. Thân của Thanh văn, Duyên giác nếu khi động thì tâm cũng động theo. Bồ-tát chẳng vậy, tâm tuy chẳng động nhưng thân thì không đâu chẳng đến. Đó gọi là tâm Bồ-tát chẳng tùy theo thân. Lại nữa, này thiện nam! Bồ-tát hóa thân lớn như ba ngàn đại thiên thế giới, rồi dùng thân lớn này vào thân một vi trần mà tâm Bồ-tát ấy, bấy giờ cũng chẳng nhỏ theo. Thanh văn, Duyên giác tuy có thể hóa thân khiến cho lớn như ba ngàn đại thiên thế giới nhưng mà chẳng thể dùng thân lớn này vào thân vi trần. Đối với việc này còn tự chẳng thể được, huống chi là có thể khiến cho tâm chẳng động theo. Đó gọi là tâm Bồ-tát chẳng tùy theo thân. Lại nữa, này thiện nam! Đại Bồ-tát dùng một âm thanh có thể khiến cho chúng sinh của ba ngàn đại thiên thế giới đều nghe mà tâm chẳng nghĩ, làm cho âm thanh này khắp các thế giới, khiến cho điều các chúng sinh xưa chẳng nghe nay được nghe. Bồ-tát này cũng chẳng cho rằng, ta khiến cho chúng sinh điều mà xưa chẳng nghe nay được nghe. Bồ-tát, nếu nói rằng, nhờ ta nói pháp nên khiến cho các chúng sinh

chẳng nghe được nghe, thì phải biết người này nhất định chẳng thể đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Vì sao? Vì tất cả chúng sinh chẳng nghe điều ta nói cho họ. Tâm như thế là tâm sinh tử, tất cả tâm Bồ-tát đã đoạn hết. Do nghĩa này nên thân, tâm của Đại Bồ-tát chẳng theo đuổi nhau. Đây thiện nam! Thân, tâm của tất cả phàm phu theo nhau. Bồ-tát chẳng vậy, vì hóa độ chúng sinh nên tuy hiện thân nhỏ nhưng tâm cũng chẳng nhỏ. Vì sao? Vì tâm tánh của các Bồ-tát thường rộng lớn nên tuy hiện thân lớn nhưng tâm cũng chẳng lớn. Sao gọi là thân lớn? Thân như ba ngàn đại thiên thế giới. Sao gọi là tâm nhỏ? Là hành hạnh anh nhi. Do nghĩa này nên tâm chẳng tùy theo thân. Đại Bồ-tát đã ở vô lượng vô số kiếp xa lìa rượu chẳng uống mà tâm cũng động, lòng không bi khổ mà thân cũng chảy nước mắt, thật không kinh sợ mà thân cũng run rẩy. Do nghĩa này nên phải biết là, thân tâm của Bồ-tát tự tại chẳng theo nhau. Đại Bồ-tát chỉ hiện một thân mà các chúng sinh ai cũng đều thấy khác. Lại nữa, đây thiện nam! Sao gọi là Đại Bồ-tát tu Đại Niết-bàn thì điều xưa chẳng nghe mà nay nghe được? Đại Bồ-tát trước tiên chọn tướng của tiếng như là tiếng voi, tiếng ngựa, tiếng xe, tiếng người, tiếng ốc, tiếng trống, tiếng tiêu, tiếng sáo, tiếng ca, tiếng khóc v.v... mà tu tập. Do tu tập nên Bồ-tát có thể nghe âm thanh của địa ngục ở trong ba ngàn đại thiên thế giới. Bồ-tát lại tu tập chuyển đổi được nhĩ căn khác, khác với thiên nhĩ của Thanh văn, Duyên giác. Vì sao? Vì nhĩ căn thanh tịnh mà Nhị thừa sở đắc, nếu nương vào bốn đại tịnh diệu của Sơ thiên thì chỉ nghe Sơ thiên, chẳng nghe Nhị thiên, cho đến Tứ thiên cũng như vậy. Họ tuy có thể cùng một lúc nghe được âm thanh của ba ngàn đại thiên thế giới mà chẳng thể nghe được âm thanh của vô lượng vô biên hằng hà sa số thế giới. Do nghĩa này nên nhĩ căn của Bồ-tát khác với nhĩ căn của Thanh văn, Duyên giác. Do sự khác này nên điều xưa chẳng nghe mà nay được nghe, tuy nghe âm thanh mà tâm ban đầu không nghe tướng của âm thanh, chẳng khởi tướng có, tướng thường, tướng lạc, chẳng ngã, tướng tịnh, tướng chủ, tướng y, tướng tác, tướng nhân, tướng định, tướng quả. Do nghĩa này nên các Bồ-tát, điều xưa chẳng nghe nay được nghe.

Đại Bồ-tát Quang Minh Biến Chiếu Cao Quý Đức Vương thưa:

–Như lời Phật nói, chẳng khởi tướng định, chẳng khởi tướng quả thì ý nghĩa này chẳng đúng. Vì sao? Vì Như Lai trước đã nói rằng, nếu người nghe được một câu, một chữ của Kinh Đại Niết-bàn này thì nhất định được thành tựu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Như Lai hôm nay sao lại nói rằng, không định, không quả? Nếu được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác tức là tướng định, tức là tướng quả thì sao nói rằng, không định, không quả? Nghe tiếng ác thì sinh tâm ác. Sinh tâm ác thì đến ba đường dữ. Nếu đến ba đường dữ tức định là quả thì sao nói rằng không định, không quả?

Bấy giờ, Đức Như Lai khen:

–Hay thay! Hay thay! Đây thiện nam! Chỉ có ông mới có thể hỏi câu hỏi này. Giả sử nếu các Đức Phật nói, các âm thanh có tướng định, quả, thì chẳng phải là tướng của chư Phật Thế Tôn mà là tướng Ma vương, tướng sinh tử, tướng xa Niết-bàn. Vì sao? Vì tất cả chư Phật phàm nói ra điều gì thì đều không có tướng định, quả. Đây thiện nam! Ví như trong lưỡi dao phản chiếu dáng mặt người, dựng đứng dao thì thấy mặt người dài, cầm dao ngang thì thấy mặt người rộng. Nếu có tướng định thì sao khi dựng đứng thì thấy dài, khi cầm ngang thì thấy rộng? Do nghĩa này nên phàm sự diễn nói của chư Phật Thế Tôn không có tướng định, quả. Đây thiện nam! Niết-bàn thì chân thật chẳng phải là quả của âm thanh. Giả sử nếu Niết-bàn là quả của âm thanh thì phải biết Niết-bàn chẳng phải là pháp thường. Đây thiện nam! Ví như thế gian, từ nhân sinh ra pháp, có nhân thì có quả, không nhân thì không quả. Nhân vô thường nên quả cũng vô thường. Vì sao? Vì nhân cũng tạo ra quả mà quả cũng tạo ra nhân. Do nghĩa này nên tất cả các pháp không có tướng định. Giả sử Niết-bàn từ nhân sinh ra mà nhân vô thường thì quả cũng vô thường. Nhưng Niết-bàn này chẳng từ nhân sinh ra nên thể của Niết-bàn này chẳng phải là quả. Vậy nên Niết-bàn này là thường. Đây thiện nam! Do nghĩa này nên thể của Niết-bàn không định, không quả. Đây thiện nam! Luận về Niết-bàn thì cũng có thể nói định, cũng có thể nói quả. Sao gọi là định? Niết-bàn của tất cả chư Phật là thường, lạc, ngã, tịnh, nên là định; không sinh, lão, hoại nên là định. Nhất-xiển-đề, những kẻ phạm bốn trọng cấm, bài báng kinh Phương Đẳng tạo

tác tội ngũ nghịch mà trừ bỏ bản tâm thì nhất định được Niết-bàn, vậy nên là định. Nay thiện nam! Như lời ông nói, nếu người nghe Ta nói một chữ, một câu của Đại Niết-bàn thì được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Ông đối với nghĩa lời nói này còn chưa hiểu rõ. Ông hãy lắng nghe, Ta sẽ vì ông lại phân biệt, giảng nói. Nay thiện nam! Nếu có thiện nam, thiện nữ nào nghe một chữ, một câu của Kinh Đại Niết-bàn mà chẳng khởi tướng chữ, chẳng khởi tướng câu, chẳng khởi tướng nghe, chẳng khởi tướng Phật, chẳng khởi tướng nói thì như vậy gọi là tướng vô tướng. Do tướng vô tướng nên đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Nay thiện nam! Như lời ông nói, nghe tiếng ác nên đến ba đường, thì nghĩa này chẳng đúng. Vì sao? Vì chẳng phải do tiếng ác mà đến ba đường. Ông phải biết, quả này chính là do tâm ác. Vì sao? Vì có thiện nam, thiện nữ v.v... tuy nghe tiếng ác nhưng tâm chẳng sinh ác. Vậy nên ông phải biết chẳng phải nhân tiếng ác mà sinh ra trong ba đường. Các chúng sinh nhân phiền não kiết, tâm ác nhiều thêm nên sinh vào ba đường ác, chẳng phải nhân tiếng ác. Nếu tiếng có tướng nhất định thì những người có nghe đáng lẽ sinh ra tâm ác, nhưng lại có người sinh, có người không sinh. Vậy phải biết, tiếng không có tướng nhất định. Vì không có tướng nhất định nên tuy lại nhân vào đó nhưng chẳng sinh ra tâm ác.

–Bạch Thế Tôn! Tiếng nếu không nhất định thì vì sao điều Bồ-tát xưa chẳng nghe mà nay được nghe?

–Nay thiện nam! Tướng không tướng nhất định nên điều xưa chẳng nghe mà khiến cho các Bồ-tát nay được nghe. Do nghĩa này nên Ta nói lời này, điều xưa chẳng nghe mà nay được nghe. Nay thiện nam! Sao gọi là điều xưa chẳng thấy mà nay được thấy? Nay thiện nam! Đại Bồ-tát tu tập kinh Đại Niết-bàn vi diệu thì trước tiên chọn lấy tướng ánh sáng như là ánh sáng mặt trời, mặt trăng, tinh tú, lửa nhà, đèn, đuốc, hỏa châu, dược thảo v.v... Do tu tập ánh sáng ấy nên được nhãn căn khác, khác với sở đắc của Thanh văn, Duyên giác. Thế nào là khác? Thiên nhãn thanh tịnh mà hàng Nhị thừa chứng đắc, nếu nương vào nhãn căn bốn đại của Dục giới thì chẳng thấy Sơ thiên, nếu nương vào Sơ thiên thì chẳng thấy cõi trên, thậm chí mắt của mình còn chẳng thể thấy. Nếu muốn thấy nhiều, đến

cùng cực ba ngàn đại thiên thế giới thì Đại Bồ-tát chẳng tu thiên nhãn, mà quán thấy sắc thân đẹp đều là tướng xương. Bồ-tát tuy thấy sắc tướng của hằng hà sa số thế giới ở phương khác nhưng chẳng khởi tướng sắc, chẳng khởi tướng thường, tướng hữu, tướng vật, tướng danh tự, tướng tạo tác nhân duyên, chẳng khởi tướng thấy, chẳng nói rằng, tướng mắt vi diệu thanh tịnh mà chỉ thấy tướng nhân duyên chẳng phải nhân duyên. Sao gọi là nhân duyên? Sắc là duyên của mắt. Giả sử nếu sắc này chẳng phải nhân duyên thì tất cả phàm phu lẽ ra chẳng sinh tướng sắc. Do nghĩa này nên sắc gọi là nhân duyên. Chẳng phải nhân duyên là, Đại Bồ-tát tuy lại thấy sắc nhưng chẳng sinh khởi tướng sắc. Vậy nên chẳng phải là duyên. Do nghĩa này nên thiên nhãn thanh tịnh mà Bồ-tát sở đắc khác với sở đắc của Thanh văn, Duyên giác. Do sự khác này nên Bồ-tát cùng một lúc thấy khắp chư Phật hiện tại trong mười phương thế giới. Đó gọi là điều xưa Bồ-tát chẳng thấy mà nay được thấy. Do sự khác này nên có thể thấy vi trần, cái mà Thanh văn, Duyên giác chẳng thể thấy. Do sự khác này nên Bồ-tát tuy thấy mắt mình đầu tiên nhưng không có tướng thấy, thấy tướng vô thường, thấy thân phàm phu trần đầy ba mươi sáu vật bất tịnh như xem quả A-ma-lặc trong lòng bàn tay. Do nghĩa này nên nói điều xưa chẳng thấy mà nay được thấy. Nếu thấy tướng sắc của chúng sinh thì biết căn người ấy là Đại thừa hay Tiểu thừa. Nếu chạm vào áo cũng biết tướng sai biệt của các căn thiện, ác của người đó. Do nghĩa này nên nói điều xưa chẳng biết mà nay được biết. Do sự biết này nên điều xưa chẳng biết mà nay được biết. Do sự biết này nên điều xưa chẳng thấy mà nay được thấy. Lại nữa, này thiện nam! Sao gọi là điều xưa Bồ-tát chẳng biết mà nay được biết? Đại Bồ-tát tuy biết tâm của phàm phu tham, sân, si nhưng ban đầu chẳng khởi tướng tâm và tâm sở, chẳng khởi tướng chúng sinh và cả tướng vật, tu tướng không rốt ráo đệ nhất nghĩa. Vì sao? Vì tất cả Bồ-tát thường khéo tu tập tướng không tánh. Do tu tập không nên điều xưa chẳng biết mà nay được biết. Sao gọi là biết? Biết không có ngã, không có ngã sở, biết các chúng sinh đều có Phật tánh. Do Phật tánh nên Nhất-xiển-đề v.v... lìa bỏ bản tâm thì đều sẽ được thành Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Những điều này đều là

điều chẳng thể biết của Thanh văn, Duyên giác mà Bồ-tát lại biết. Do nghĩa này nên nói, điều xưa chẳng biết mà nay được biết. Lại nữa, này thiện nam! Sao gọi là điều xưa chẳng biết mà nay được biết? Đại Bồ-tát tu kinh điển Đại Niết-bàn vi diệu, nghĩ đến đời sống, dòng họ, cha mẹ, anh em, vợ con, quyến thuộc, bạn bè, kẻ oán ghét của tất cả chúng sinh đời quá khứ. Ở trong một niệm Bồ-tát được trí khác lạ, khác với trí tuệ của Thanh văn, Duyên giác. Sao gọi là khác? Trí tuệ của Thanh văn, Duyên giác nghĩ đến dòng họ, cha mẹ cho đến kẻ oán ghét của chúng sinh trong đời quá khứ, khởi tướng chủng tánh... cho đến tướng oán ghét. Bồ-tát chẳng vậy, tuy nghĩ đến dòng họ, cha mẹ cho đến kẻ oán ghét ở đời quá khứ nhưng nhất định chẳng sinh tướng dòng họ, tướng cha mẹ, tướng oán ghét, thường khởi tướng pháp, tướng không tịch. Đó gọi là điều xưa Bồ-tát chẳng biết mà nay được biết. Lại nữa, này thiện nam! Sao gọi là điều xưa chẳng biết mà nay được biết? Đại Bồ-tát tu kinh điển Đại Niết-bàn vi diệu được trí tha tâm khác với sở đắc của Thanh văn, Duyên giác. Sao gọi là khác? Khi Thanh văn, Duyên giác dùng trí nhất niệm để biết tâm người thì chẳng thể biết tâm của địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh và trời. Bồ-tát chẳng vậy, ở trong một niệm biết khắp tâm của chúng sinh trong sáu đường. Đó gọi là điều xưa Bồ-tát chẳng biết mà nay được biết. Lại nữa, này thiện nam! Lại có sự biết khác. Đại Bồ-tát ở trong một tâm, biết từ tâm đầu tiên của Tu-đà-hoàn, rồi lần lượt đến tâm thứ mười sáu. Do nghĩa này nên nói, điều xưa chẳng biết mà nay được biết. Đó là Bồ-tát tu kinh điển Đại Niết-bàn thành tựu đầy đủ công đức thứ hai.

Lại nữa, này thiện nam! Sao gọi là Đại Bồ-tát tu kinh Đại Niết-bàn vi diệu thành tựu đầy đủ công đức thứ ba? Này thiện nam! Đại Bồ-tát tu Đại Niết-bàn bỏ tâm từ được tâm từ, khi được tâm từ chẳng do nhân duyên. Sao gọi là bỏ tâm từ được tâm từ? Này thiện nam! Tâm từ đó là thế đế. Đại Bồ-tát bỏ Từ thế đế được Từ đệ nhất nghĩa. Từ đệ nhất nghĩa chẳng từ duyên mà được. Lại nữa, sao gọi là bỏ tâm từ được tâm từ? Tâm từ nếu có thể bỏ thì gọi là tâm từ phạm phu. Tâm từ nếu có thể được tức là tâm từ không duyên của Bồ-tát. Bỏ tâm từ Nhất-xiển-đề, tâm từ phạm bốn trọng cấm, tâm từ bài

báng Phương Đăng, tâm từ tạo tội ngũ nghịch để được tâm từ thương xót, tâm từ Như Lai, tâm từ Thế Tôn, tâm từ không nhân duyên. Sao lại gọi là bỏ tâm từ được tâm từ? Bỏ tâm từ của hạng huỳnh môn, tâm từ của người không căn, người hai căn, người nữ, tâm từ của đồ tể, thợ săn, người chăn nuôi gà, heo v.v... cũng bỏ tâm từ của Thanh văn, Phật-bích-chi để được tâm từ không nhân duyên của những Bồ-tát. Hành giả chẳng thấy tâm từ của mình, chẳng thấy tâm từ của người khác, chẳng thấy trì giới, chẳng thấy phá giới. Tuy thấy tâm bi nhưng chẳng thấy chúng sinh. Tuy có khổ thọ nhưng chẳng thấy người thọ. Vì sao? Vì do tu đệ nhất chân thật nghĩa. Đó gọi là Bồ-tát tu Đại Niết-bàn thành tựu đầy đủ công đức thứ ba.

Lại nữa, này thiện nam! Sao gọi là Đại Bồ-tát tu Đại Niết-bàn thành tựu đầy đủ công đức thứ tư? Này thiện nam! Đại Bồ-tát tu Đại Niết-bàn thành tựu đầy đủ công đức thứ tư có mười việc. Những gì là mười? Một là căn sâu khó có thể nhổ bật. Hai là tự thân sinh tướng quyết định. Ba là chẳng quan sát phước điền và chẳng phải phước điền. Bốn là tu làm thanh tịnh cõi Phật. Năm là diệt trừ hữu dư. Sáu là đoạn trừ nghiệp duyên. Bảy là tu thân thanh tịnh. Tám là rõ biết các duyên. Chín là lìa các oán địch. Mười là đoạn trừ nhị biên. Sao gọi là căn sâu khó nhổ bật? Cái gọi là căn tức là chẳng phóng dật. Chẳng phóng dật là căn gì? Đó là căn của Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Này thiện nam! Những căn bản thiện của tất cả chư Phật đều là chẳng phóng dật. Chẳng phóng dật nên các thiện căn khác lần lượt thêm lớn. Do nó có thể làm tăng trưởng các thiện căn nên ở trong các thiện nó là tối thù thắng. Này thiện nam! Như trong các dấu chân thì dấu chân voi là trên hết. Pháp chẳng phóng dật cũng như vậy, đối với các pháp thiện là hơn hết. Này thiện nam! Như trong các thứ ánh sáng thì ánh sáng mặt trời là trên hết. Pháp chẳng phóng dật cũng như vậy, đối với các pháp thiện là hơn hết. Này thiện nam! Như trong các vì vua thì Chuyển luân Thánh vương là hơn hết. Pháp chẳng phóng dật cũng như vậy, đối với các pháp thiện là hơn hết. Này thiện nam! Như trong các dòng chảy thì bốn dòng sông là hơn hết. Pháp chẳng phóng dật cũng như vậy, đối với các pháp thiện là hơn hết. Này thiện nam! Như trong các núi thì núi Tu-di là

hơn hết. Pháp chẳng phóng dật cũng như vậy, đối với các pháp thiện là hơn hết. Nay thiện nam! Như các loài hoa sinh trong nước thì hoa sen xanh là hơn hết. Pháp chẳng phóng dật cũng như vậy, đối với các pháp thiện, là hơn hết. Nay thiện nam! Như loài hoa sinh trên đất thì hoa Bà-lợi-sư là hơn hết. Pháp chẳng phóng dật cũng như vậy, đối với các pháp thiện, là hơn hết. Nay thiện nam! Như trong các loài thú thì sư tử là hơn hết. Pháp chẳng phóng dật cũng như vậy, đối với các pháp thiện, là hơn hết. Nay thiện nam! Như trong loài chim bay thì chim cánh vàng chúa là hơn hết. Pháp chẳng phóng dật cũng như vậy, đối với các pháp thiện, là hơn hết. Nay thiện nam! Như trong loài thân lớn thì vua A-tu-la La-hầu là hơn hết. Pháp chẳng phóng dật cũng như vậy, đối với các pháp thiện, là hơn hết. Nay thiện nam! Như trong tất cả chúng sinh, hoặc loài hai chân, bốn chân, nhiều chân hay không chân, thì Như Lai là hơn hết. Pháp chẳng phóng dật cũng như vậy, ở trong các pháp thiện, là hơn hết. Nay thiện nam! Như trong các chúng thì Phật, Tăng là hơn hết. Pháp chẳng phóng dật cũng như vậy, ở trong các pháp thiện là hơn hết. Nay thiện nam! Như trong pháp Phật thì pháp Đại Niết-bàn này là hơn hết. Pháp chẳng phóng dật cũng như vậy, đối với các pháp thiện là hơn hết. Nay thiện nam! Do nghĩa này nên căn chẳng phóng dật thâm sâu, bền chắc khó bứng lên được. Những gì do chẳng phóng dật mà được tăng trưởng? Đó là tín căn, giới căn, thí căn, tuệ căn, nhẫn căn, văn căn, tấn căn, niệm căn, định căn, thiện tri thức căn, những căn như vậy mà chẳng phóng dật thì được tăng trưởng. Do chúng tăng trưởng nên thâm sâu bền chắc khó bứng lên được. Do nghĩa này nên gọi là Đại Bồ-tát tu Đại Niết-bàn thì căn thâm sâu khó bứng lên được.

Sao gọi là đối với thân khởi tưởng quyết định? Đối với tự thân sinh tâm quyết định: “Thân này của ta hôm nay ở đời vị lai, nhất định sẽ làm pháp khí Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Tâm cũng như vậy, chẳng khởi nhỏ hẹp, chẳng khởi thay đổi, chẳng khởi tâm Thanh văn, Phật-bích-chi, chẳng khởi tâm ma và tâm tự lạc, tâm ưa sinh tử. Ta luôn vì chúng sinh cầu tâm từ bi”, đó gọi là Bồ-tát đối với tự thân sinh tâm quyết định: “Ta ở đời vị lai sẽ làm pháp khí Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác”. Do nghĩa này nên Đại Bồ-tát tu

Đại Niết-bàn đối với tự thân sinh tướng quyết định.

Sao gọi là Bồ-tát chẳng quán phước điền và chẳng phải phước điền? Sao gọi là phước điền? Kẻ ngoài đạo trì giới lên đến chư Phật, đó gọi là phước điền. Nếu có người nghĩ rằng, những vị như vậy là chân phước điền thì nên biết, tâm này là hẹp hòi, kém cỏi. Đại Bồ-tát đều quán tất cả vô lượng chúng sinh đều là phước điền. Vì sao? Vì khéo tu tập niệm xứ khác. Có niệm xứ khác khéo tu tập là: Quán các chúng sinh không có trì giới và cả hủy giới, thường quán lời nói của chư Phật Thế Tôn. Thí tuy có bốn thứ nhưng đều được quả báo thanh tịnh. Những gì là bốn? Một là thí chủ thanh tịnh, người thọ thí bất tịnh. Hai là thí chủ bất tịnh, người thọ thí thanh tịnh. Ba là người thí, kẻ thọ thí đều thanh tịnh. Bốn là cả hai đều bất tịnh. Sao gọi là thí chủ thanh tịnh, người thọ thí bất tịnh? Thí chủ có đủ giới, đa văn, trí tuệ, biết có tuệ thí và cả quả báo. Kẻ thọ thí phá giới, chuyên chấp trước tà kiến, nói không có tuệ thí, không quả báo. Đó gọi là thí chủ thanh tịnh, người thọ thí bất tịnh. Sao gọi là thí chủ bất tịnh, người thọ thí thanh tịnh? Thí chủ phá giới, chuyên chấp trước tà kiến, nói rằng không có tuệ thí và cả quả báo. Kẻ thọ thí trì giới, đa văn, trí tuệ, biết có tuệ thí và quả báo của thí. Đó gọi là thí chủ bất tịnh, người thọ thí thanh tịnh. Sao gọi là người thí, kẻ thọ thí đều thanh tịnh? Người thí, kẻ thọ đều có trì giới, đa văn, trí tuệ, biết có tuệ thí và quả báo của thí. Đó gọi là người thí, kẻ thọ thí đều thanh tịnh. Sao gọi là cả hai đều bất tịnh? Người thí, kẻ thọ đều phá giới, tà kiến và nói rằng, không có thí và quả báo của thí. Nếu như vậy thì sao lại gọi rằng, được quả báo thanh tịnh? Do không thí, không quả báo nên gọi là thanh tịnh. Này thiện nam! Nếu có người chẳng thấy bố thí và quả báo của thí thì phải biết người này chẳng gọi phá giới, chuyên chấp trước tà kiến. Nếu nương vào Thanh văn mà nói, chẳng thấy bố thí và quả báo của thí thì đó gọi là phá giới, tà kiến. Nếu y vào kinh Đại Niết-bàn như vậy mà chẳng thấy tuệ thí và quả báo của thí thì đó gọi là trì giới, chánh kiến. Đại Bồ-tát có niệm xứ khác để tu tập nên chẳng thấy chúng sinh trì giới, phá giới, người thí, kẻ thọ và quả báo của thí. Vậy nên được gọi là trì giới, chánh kiến. Do nghĩa này nên Đại Bồ-tát chẳng quán phước điền và chẳng phải phước điền.

Sao gọi là làm thanh tịnh cõi Phật? Đại Bồ-tát tu Kinh điển Đại Niết-bàn vì diệu vì Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, vì độ chúng sinh nên lìa khỏi tâm giết hại. Rồi đem thiện căn này nguyện ban cho tất cả chúng sinh, nguyện cho các chúng sinh được thọ mạng lâu dài, có thể lực lớn, được đại thần thông. Do sức của nhân duyên thế nguyện này nên ở đời vị lai, khi thành Phật thì tất cả chúng sinh của đất nước đó được thọ mạng lâu dài, có đại thế lực, được đại thần thông. Lại nữa, này thiện nam! Đại Bồ-tát tu kinh điển Đại Niết-bàn vì diệu vì Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, vì độ chúng sinh nên lìa khỏi tâm trộm cắp. Rồi đem thiện căn này nguyện ban cho tất cả chúng sinh, nguyện cho quốc độ của chư Phật thuần là bảy báu, chúng sinh giàu có đầy đủ, điều mong muốn được như ý. Do lực của nhân duyên thế nguyện này nên ở đời vị lai, khi thành Phật thì đất nước thuần là bảy báu, chúng sinh giàu có đầy đủ, điều mong muốn đều như ý. Lại nữa, này thiện nam! Đại Bồ-tát tu kinh điển Đại Niết-bàn vì diệu vì Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, vì độ chúng sinh nên lìa khỏi tâm dâm dục. Rồi đem thiện căn này nguyện ban cho tất cả chúng sinh, nguyện cho chúng sinh của các cõi Phật không có tâm tham dục, sân hận, ngu si, cũng không có hoạn nạn đói khát khổ não. Do lực của nhân duyên thế nguyện này nên ở đời vị lai, khi thành Phật thì chúng sinh trong đất nước mình xa lìa tâm tham dục, sân hận, ngu si và tất cả không có đói khát khổ não. Lại nữa, này thiện nam! Đại Bồ-tát tu kinh điển Đại Niết-bàn vì diệu vì Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, vì độ chúng sinh nên lìa khỏi tâm vọng ngữ. Rồi đem thiện căn này nguyện ban cho tất cả chúng sinh, nguyện cho chúng sinh của các cõi Phật thường có rừng rậm cây thơm hoa trái, chúng sinh được âm thanh vi diệu. Do lực của nhân duyên thế nguyện này nên ở đời vị lai, khi thành Phật thì có được đất nước thường có rừng rậm, cây thơm hoa trái. Chúng sinh trong cõi ấy đều được âm thanh thượng diệu thanh tịnh. Lại nữa, này thiện nam! Đại Bồ-tát tu kinh điển Đại Niết-bàn vì diệu vì Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, vì độ chúng sinh nên xa lìa lời nói hai lưỡi. Rồi đem thiện căn này nguyện ban cho tất cả chúng sinh, nguyện cho chúng sinh của các cõi Phật thường chung hòa hợp giảng nói chánh pháp.

Do lực của nhân duyên thệ nguyện này nên ở đời vị lai, khi thành Phật thì tất cả chúng sinh của đất nước mình đều chung hòa hợp giảng luận pháp chính yếu. Lại nữa, này thiện nam! Đại Bồ-tát tu kinh điển Đại Niết-bàn vì diệu vì Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, vì độ chúng sinh nên xa lìa lời nói ác khẩu. Rồi đem thiện căn này nguyện ban cho tất cả chúng sinh, nguyện cho đất của các cõi Phật bằng phẳng như lòng bàn tay, không cát đá, gai góc bén nhọn. Chúng sinh của những cõi ấy lòng bình đẳng. Do lực của nhân duyên thệ nguyện này nên ở đời vị lai, khi thành Phật thì đất nước bằng như bàn tay không có cát đá, gai góc bén nhọn và chúng sinh thì lòng bình đẳng. Lại nữa, này thiện nam! Đại Bồ-tát tu kinh điển Đại Niết-bàn vì diệu vì Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, vì độ chúng sinh nên lìa khỏi lời nói vô nghĩa. Rồi đem thiện căn này nguyện ban cho tất cả chúng sinh, nguyện cho tất cả chúng sinh của các cõi Phật không có khổ não. Do lực của nhân duyên thệ nguyện này nên ở đời vị lai, khi thành Phật thì tất cả chúng sinh của đất nước không có khổ não. Lại nữa, này thiện nam! Đại Bồ-tát tu kinh điển Đại Niết-bàn vì diệu vì Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, vì độ chúng sinh nên xa lìa tham lam ganh ghét. Rồi đem thiện căn này nguyện ban cho tất cả chúng sinh, nguyện cho tất cả chúng sinh của các cõi Phật không có tham lam, ganh ghét. Do lực của nhân duyên thệ nguyện này nên ở đời vị lai, khi thành Phật thì tất cả chúng sinh của đất nước đều không tham lam, ganh ghét. Lại nữa, này thiện nam! Đại Bồ-tát tu kinh điển Đại Niết-bàn vì diệu vì Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, vì độ chúng sinh nên xa lìa não hại. Rồi đem thiện căn này nguyện ban cho tất cả chúng sinh, nguyện cho chúng sinh của các cõi Phật đều chung tu tập đại từ, đại bi, được địa Nhất tử. Do lực của nhân duyên thệ nguyện này nên vào đời vị lai, khi thành Phật thì tất cả chúng sinh của thế giới đó đều cùng tu tập đại từ đại bi, được địa Nhất tử. Lại nữa, này thiện nam! Đại Bồ-tát tu kinh điển Đại Niết-bàn vì diệu vì Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, vì độ chúng sinh nên xa lìa tà kiến. Rồi đem thiện căn này nguyện ban cho tất cả chúng sinh, nguyện cho chúng sinh của các cõi Phật đều được Đại Bát nhã Ba-la-mật. Do lực của nhân duyên thệ nguyện này nên vào

đời vị lai, khi thành Phật thì chúng sinh của thế giới đó đều được thọ trì Đại Bát nhã Ba-la-mật. Đó gọi là Bồ-tát tu tập làm tịnh cõi Phật.

Sao gọi là Đại Bồ-tát diệt trừ hữu dư? Hữu dư có ba: một là phiền não dư báo, hai là dư nghiệp, ba là dư hữu. Đây thiện nam! Sao gọi là phiền não dư báo? Nếu có chúng sinh quen gần tham dục mà quả báo này thành thực thì đọa vào địa ngục. Từ địa ngục ra thọ thân súc sinh như là bồ câu, chim sẻ, uyên ương, anh vũ, Kỳ-bà Kỳ-bà, xá-lợi-già, thanh tước, cá, rùa, khỉ, hươu nai v.v... Nếu được thân người thì thọ thân huỳnh môn, nữ nhân, người hai căn hay không căn, dâm nữ. Nếu được xuất gia thì phạm giới nặng đầu tiên. Đó gọi là dư báo.

Lại nữa, đây thiện nam! Nếu có chúng sinh đem lòng sâu nặng quen gần sân hận, thì khi báo này thành thực, rơi vào địa ngục. Từ địa ngục ra, thọ thân súc sinh như là rắn độc đủ bốn thứ độc: thấy độc, chạm độc, cắn độc, hơi độc; hoặc là sư tử, cọp, sói, gấu, mèo, chồn, chim ưng, điều hâu v.v... Nếu được thân người thì đầy đủ mười sáu thứ luật nghi ác. Nếu được xuất gia thì phạm trọng giới thứ hai. Đó gọi là dư báo.

Lại nữa, đây thiện nam! Nếu có người tu tập ngu si thì khi quả báo này thành thực, rơi vào địa ngục. Từ địa ngục ra, thọ thân súc sinh như là voi, heo, bò, dê, trâu, rận, bọ chết, ruồi, muỗi, kiến v.v... Nếu được thân người thì điếc, mù, câm, ngọng, tàn phế, lưng gù v.v... các căn chẳng đủ, chẳng thể thọ pháp. Nếu được xuất gia thì các căn ám độn, ưa phạm trọng giới cho đến tội thấp hèn. Đó gọi là dư báo.

Lại nữa, đây thiện nam! Nếu có người tu tập kiêu mạn thì khi quả báo này thành thực, rơi vào địa ngục. Từ địa ngục ra, thọ thân súc sinh như là trùng phân, lạc đà, lừa, chó, ngựa. Nếu sinh ra trong loài người thì thọ thân nô tỳ, nghèo cùng, ăn xin. Hoặc được xuất gia thì thường bị sự khinh miệt của chúng sinh và phá giới thứ tư. Đó gọi là dư báo. Những điều như vậy gọi là phiền não dư báo. Những dư báo như vậy, Đại Bồ-tát nhờ tu tập kinh Đại Niết-bàn nên đều được trừ diệt. Sao gọi là dư nghiệp? Đó là gọi nghiệp của tất cả phàm phu, nghiệp của tất cả Thanh văn, nghiệp thọ thân bảy lần của Tu-

đà-hoàn, nghiệp thọ thân hai lần của Tư-đà-hàm, nghiệp thọ thân cõi Sắc của A-na-hàm. Đó gọi là dư nghiệp. Những dư nghiệp như vậy, Đại Bồ-tát nhờ khả năng tu tập kinh Đại Niết-bàn nên đều được đoạn trừ. Sao gọi là dư hữu? A-la-hán đắc quả A-la-hán, Phật-bích-chi đắc quả Phật-bích-chi, không nghiệp không kết mà chuyển thành hai quả. Đó gọi là dư hữu. Ba thứ pháp hữu dư này, Đại Bồ-tát tu tập kinh Đại Niết-bàn Đại Thừa nên được diệt trừ. Đó gọi là Đại Bồ-tát diệt trừ hữu dư.

Sao gọi là Đại Bồ-tát tu thân thanh tịnh? Đại Bồ-tát tu giới bất sát có năm thứ tâm đó là hạ, trung, thượng, thượng trung và thượng thượng cho đến tu chánh kiến cũng như vậy. Năm mươi thứ tâm này gọi là tâm mới phát đầu tiên. Đầy đủ quyết định thành tựu năm mươi tâm thì gọi là mãn túc. Một trăm tâm như vậy gọi là một trăm phước đức. Đầy đủ một trăm phước đức thì thành được một tướng. Cứ như vậy lần lượt thành tựu đầy đủ ba mươi hai tướng thì gọi là thân thanh tịnh, cho nên lại tu tám mươi vẻ đẹp. Đời có chúng sinh thờ tám mươi vị thần. Những gì là tám mươi? Đó là mười hai mặt trời, mười hai đại thiên, năm vì tinh tú lớn là sao Bắc Đẩu, sao Mã Thiên, sao Hành Đạo Thiên, sao Bà-la-đọa-bạt-xà Thiên, sao Công Đức Thiên, hai mươi tám vì sao, Địa thiên, Phong thiên, Thủy thiên, Hỏa thiên, Phạm thiên, Lâu-đà thiên, Nhân-đề thiên, Câu-ma-la thiên, Bát Tý thiên, Ma-hê-thủ-la thiên, Bán-xà-la thiên, Quỷ tử mẫu thiên, Tứ thiên vương thiên, Tạo-thơ thiên, Bà-tẩu thiên. Đó gọi là tám mươi. Bồ-tát vì chúng sinh này tu tám mươi vẻ đẹp để tự trang nghiêm. Đó gọi là thân thanh tịnh của Bồ-tát. Vì sao? Vì tám mươi trời đó được sự tín phục của tất cả chúng sinh. Vậy nên Bồ-tát tu tám mươi vẻ đẹp mà thân chẳng động, khiến cho chúng sinh kia theo lòng tin của họ đều được thấy. Thấy rồi họ đều tôn kính và phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Do nghĩa này nên Đại Bồ-tát tu thân thanh tịnh. Nay thiện nam! Ví như có người muốn thỉnh vị vua lớn thì cần phải trang nghiêm nhà cửa cho cực kỳ thanh tịnh, bày biện đủ trăm món ăn ngon lành, rồi sau đó mới thỉnh vua đến. Đại Bồ-tát cũng như vậy, muốn thỉnh vua pháp luân Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác thì trước phải sửa thân cho cực kỳ thanh tịnh, rồi vua pháp Vô

thượng mới đến ở đó. Do nghĩa này nên Đại Bồ-tát cần phải tu thân thanh tịnh. Nay thiện nam! Ví như có người muốn uống cam lồ thì trước phải tịnh thân. Đại Bồ-tát cũng như vậy, muốn uống pháp vị cam lồ vô thượng Bát nhã Ba-la-mật thì trước cần phải dùng tám mươi vẻ đẹp mà thanh tịnh thân ấy. Nay thiện nam! Ví như đồ đựng báu bằng vàng bạc tốt đẹp đựng nước sạch thì trong ngoài đều sạch. Thân thanh tịnh ấy của Đại Bồ-tát cũng như vậy, đựng nước Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác thì trong ngoài đều thanh tịnh. Nay thiện nam! Như áo lụa trắng Ba-la-nại dễ nhuộm màu. Vì sao? Vì tánh trắng sạch. Đại Bồ-tát cũng như vậy, do thân thanh tịnh nên mau chóng được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Do nghĩa này nên Đại Bồ-tát tu thân thanh tịnh. Sao gọi là Đại Bồ-tát rõ biết các duyên? Đại Bồ-tát chẳng thấy sắc tướng, chẳng thấy sắc duyên, chẳng thấy sắc thể, chẳng thấy sắc sinh, chẳng thấy sắc diệt, chẳng thấy tướng một, chẳng thấy tướng khác, chẳng thấy người thấy, chẳng thấy tướng mạo, chẳng thấy người thọ. Vì sao? Vì rõ nhân duyên. Như sắc, tất cả pháp cũng như vậy. Đó gọi là Bồ-tát rõ biết các duyên.

Sao gọi là Bồ-tát lìa các oán địch? Tất cả phiền não là oán địch của Bồ-tát nên Đại Bồ-tát thường xa lìa. Đó gọi là Bồ-tát hoại diệt các oán địch. Bồ-tát trụ địa thứ năm nhìn thấy các phiền não chẳng gọi là oán địch. Vì sao? Vì nhân có phiền não nên Bồ-tát mới sinh, do có sinh nên có thể lần lượt giáo hóa chúng sinh. Do nghĩa này nên chẳng gọi là oán. Những gì là oán? Đó là người bài báng kinh Phương Đẳng. Bồ-tát tùy theo chỗ sinh ra, chẳng sợ địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh mà chỉ sợ người bài báng kinh Phương Đẳng như vậy. Tất cả Bồ-tát có tám thứ ma gọi là oán gia, xa lìa tám ma này gọi là lìa khỏi oan gia. Đó gọi là Bồ-tát lìa các oán địch.

Sao gọi là Bồ-tát xa lìa nhị biên? Nói nhị biên là gọi hai mươi lăm cõi và phiền não ái. Bồ-tát thường lìa khỏi hai mươi lăm cõi và phiền não ái thì đó gọi là Bồ-tát lìa nhị biên.

Đó gọi là Đại Bồ-tát tu Đại Niết-bàn thành tựu đầy đủ công đức thứ tư.

Bấy giờ, Đại Bồ-tát Quang Minh Biến Chiếu Cao Quý Đức Vương bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Như lời Phật nói, nếu có Bồ-tát tu tập kinh điển Đại Niết-bàn thì đều tạo tác mười việc công đức như vậy thì sao Như Lai chỉ tu chín việc mà chẳng tu cõi thanh tịnh?

Đức Phật dạy:

–Này thiện nam! Ta, vào thuở xưa, cũng thường tu đủ mười việc như vậy. Tất cả Bồ-tát và các Đức Như Lai không ai chẳng tu mười việc như thế. Giả sử nếu thế giới bất tịnh tràn đầy mà chư Phật Thế Tôn xuất hiện trong đó thì đó là điều không có. Này thiện nam! Ông nay cho rằng, chư Phật xuất hiện ở thế giới bất tịnh thì ông phải biết tâm ấy chẳng tốt mà hẹp hòi, thấp hèn. Ông nay phải biết, Ta thật chẳng xuất hiện ở cõi Diêm-phù-đề. Ví như có người nói, cõi này độc nhất có mặt trời, mặt trăng, thế giới phương khác không có mặt trời, mặt trăng. Lời nói như vậy không có nghĩa lý. Nếu có Bồ-tát phát ngôn như vậy: “Thế giới Phật này ô uế bất tịnh, cõi Phật phương khác thanh tịnh trang nghiêm” thì cũng như vậy. Này thiện nam! Phương Tây, cách thế giới Ta-bà này ba mươi hai lần cát sông Hằng những cõi Phật, tại đó có thế giới tên là Vô Thắng. Cõi đó vì sao tên là Vô Thắng? Vì việc trang nghiêm của cõi ấy đều bình đẳng, không có sai biệt, giống như thế giới An Lạc ở phương Tây, cũng như thế giới Mãn Nguyệt ở phương Đông. Ta ở cõi Vô Thắng đó xuất hiện ở đời. Vì hóa độ chúng sinh nên Ta ở trong cõi Diêm-phù-đề này thị chuyển bánh xe pháp. Chẳng phải chỉ độc một mình thân Ta ở trong cõi này thị hiện chuyển pháp luân, mà tất cả chư Phật cũng ở trong cõi này mà chuyển bánh xe pháp. Do nghĩa này nên chư Phật Thế Tôn chẳng phải chẳng tu hành mười việc như vậy. Này thiện nam! Bồ-tát Từ Thị do thệ nguyện nên đời đương lai sẽ khiến cho thế giới này thanh tịnh trang nghiêm. Do nghĩa này nên tất cả thế giới của chư Phật không đâu chẳng nghiêm tịnh.

Lại nữa, này thiện nam! Sao gọi là Đại Bồ-tát tu kinh điển Đại Niết-bàn vì diệu thành tựu đầy đủ công đức thứ năm? Này thiện nam! Đại Bồ-tát tu kinh Đại Niết-bàn thành tựu đầy đủ công đức thứ

năm có năm việc. Những gì là năm? Một là các căn đầy đủ, hai là chẳng sinh ở vùng biên địa, ba là chư Thiên ái niệm, bốn là thường được sự cung kính của Trời, Ma, Sa-môn, Sát-lợi, Bà-la-môn v.v..., năm là được trí tức mạng. Bồ-tát do lực của nhân duyên Đại Niết-bàn này nên đầy đủ năm việc công đức như vậy.

Bồ-tát Quang Minh Biến Chiếu Cao Quý Đức Vương bạch:

–Như lời Phật nói, nếu có thiện nam, thiện nữ nào tu bố thí thì được thành tựu đầy đủ năm việc công đức, vậy sao hôm nay Phật nói nhân Đại Niết-bàn được năm việc này?

Đức Phật dạy:

–Hay thay! Hay thay! Nay thiện nam! Việc như vậy, ý nghĩa của nó đều khác. Hôm nay Ta sẽ vì ông phân biệt, giảng nói. Bố thí được năm việc là chẳng định, chẳng thường, chẳng tịnh, chẳng thắng và chẳng khác. Đó chẳng phải là vô lậu, chẳng thể lợi ích, an lạc, thương xót tất cả chúng sinh. Nếu nương vào Kinh Đại Niết-bàn như vậy thì năm việc sở đắc là định, là thường, là tịnh, là thắng, là khác. Đó là vô lậu, có thể lợi ích, an lạc, thương xót tất cả chúng sinh. Nay thiện nam! Luận về bố thí thì được lìa khỏi đói khát. Kinh Đại Niết-bàn có thể khiến cho chúng sinh đều được lìa khỏi bệnh khát ái của hai mươi lăm cõi. Nhân duyên bố thí khiến cho sinh tử nối tiếp. Kinh Đại Niết-bàn có thể khiến cho sinh tử đoạn trừ, chẳng nối tiếp. Nhân bố thí nên nhận pháp phàm phu, nhân Đại Niết-bàn được làm Bồ-tát. Nhân duyên bố thí có thể đoạn trừ tất cả bản cùng khổ não, kinh Đại Niết-bàn có thể đoạn trừ tất cả sự nghèo thiếu pháp thiện. Nhân duyên bố thí có phân biệt, có quả báo; nhân duyên Đại Niết-bàn được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, không phân biệt, không quả báo. Đó gọi là Đại Bồ-tát tu kinh điển Đại Niết-bàn vì diệu thành tựu đầy đủ công đức thứ năm.

Nay thiện nam! Sao gọi là Đại Bồ-tát tu kinh điển vì diệu Đại Niết-bàn thành tựu đầy đủ công đức thứ sáu? Đại Bồ-tát tu Đại Niết-bàn được Tam-muội Kim cương. Bồ-tát an trụ trong Tam-muội này đều có thể phá tan tất cả các pháp, thấy tất cả pháp đều là vô thường, đều là tướng động, nhân duyên của khủng bố, bệnh khổ,

trộm cướp, từng niệm từng niệm diệt hoại không có chân thật, tất cả đều là cảnh giới của ma, không thể thấy tướng. Đại Bồ-tát trụ ở Tam-muội này, tuy bố thí cho chúng sinh nhưng thậm chí chẳng thấy một chúng sinh thật. Vì chúng sinh nên tinh cần tu tập Giới Ba-la-mật cho đến tu tập Bát nhã Ba-la-mật cũng như vậy. Nếu Bồ-tát thấy có một chúng sinh thì chẳng thể rớt ráo thành tựu đầy đủ Thí Ba-la-mật cho đến Bát nhã Ba-la-mật. Nay thiện nam! Ví như chỗ kim cương va chạm vào, không có gì chẳng tan nát mà kim cương thì không bị trầy xước. Tam-muội Kim cương cũng như vậy, pháp nào bị va chạm thì không gì chẳng tan nát mà Tam-muội không có tổn hại. Nay thiện nam! Như trong các báu, kim cương là hơn hết. Tam-muội Kim cương mà Bồ-tát sở đắc cũng như vậy, đối với các Tam-muội là hơn hết. Vì sao? Vì Đại Bồ-tát tu Tam-muội này thì tất cả Tam-muội đều quy phục. Nay thiện nam! Như các tiểu vương đều đến quy phục Chuyển luân Thánh vương. Tất cả Tam-muội cũng như vậy, đều đến quy phục Tam-muội Kim cương. Nay thiện nam! Ví như có người là oán thù của đất nước, bị mọi người chán ghét, nếu có người giết hẳn thì tất cả người đời không ai chẳng xưng tán công đức người này. Tam-muội Kim cương cũng như vậy, Bồ-tát tu tập có thể hoại oán địch của tất cả chúng sinh. Vậy nên thường được sự tôn kính của tất cả Tam-muội. Nay thiện nam! Ví như có người sức rất mạnh không ai đương cự được. Nhưng lại có người sức có thể hàng phục được người đó thì phải biết người này được đời khen ngợi. Tam-muội Kim cương cũng như vậy, sức có thể hàng phục pháp khó hàng phục. Do nghĩa này nên tất cả Tam-muội đều đến quy phục. Nay thiện nam! Ví như có người tắm ở biển lớn thì phải biết người này đã sử dụng nước của những dòng sông, dòng suối và ao. Đại Bồ-tát cũng như vậy, tu tập Tam-muội Kim cương như thế thì phải biết là đã tu tập tất cả Tam-muội khác. Nay thiện nam! Như trong núi Hương có một dòng nước suối tên là A-nậu-đạt. Suối ấy đầy đủ nước tám vị. Có người uống nước suối ấy thì không có các bệnh khổ. Tam-muội Kim cương cũng như vậy, đủ tám chánh đạo mà Bồ-tát tu tập thì đoạn trừ những trọng bệnh ghê lở phiền não. Nay thiện nam! Như người cúng dường trời Ma-hê-thủ-la thì phải biết người này đã cúng dường tất cả

chư Thiên. Tam-muội Kim cương cũng như vậy, nếu có người tu tập thì phải biết người này đã tu tập tất cả các Tam-muội khác. Đây thiện nam! Nếu có Bồ-tát an trụ ở Tam-muội kim cương như vậy thì thấy tất cả pháp không có chướng ngại như xem quả A-ma-lặc ở trong lòng bàn tay. Bồ-tát tuy lại được thấy như vậy nhưng nhất định chẳng khởi tưởng thấy tất cả pháp. Đây thiện nam! Ví như có người ngồi ngã tư đường thấy các chúng sinh đi, đứng, nằm, ngồi. Tam-muội Kim cương cũng như vậy, thấy tất cả pháp sinh diệt hiện ra, mất đi. Đây thiện nam! Ví như núi cao có người leo lên đó, trông xa các phương đều rõ. Núi đỉnh kim cương cũng như vậy, Bồ-tát leo lên đó xa trông các pháp, không pháp nào chẳng sáng tỏ. Đây thiện nam! Ví như mùa xuân trời đổ mưa. Những giọt mưa ấy ly ti không chỗ trống, người mắt sáng thấy chúng rõ ràng. Bồ-tát cũng vậy, được mắt thanh tịnh định kim cương, thấy từ xa những thế giới của phương Đông. Trong số ấy, hoặc có đất nước thành hay hoại, tất cả đều thấy rõ ràng không ngăn ngại cho đến mười phương cũng như vậy. Đây thiện nam! Như núi Do-càn-đà, khi bảy mặt trời đồng thời xuất hiện thì cây cối, rừng rậm của núi ấy, tất cả đều cháy hết. Bồ-tát tu tập Tam-muội Kim cương cũng như vậy, tất cả rừng rậm phiền não tức thời tiêu diệt. Đây thiện nam! Ví như kim cương tuy có thể phá vỡ tất cả vật nhưng chẳng bao giờ sinh ra ý nghĩ là ta có thể phá vỡ Tam-muội Kim cương cũng như vậy, Bồ-tát tu rồi có thể phá phiền não nhưng chẳng bao giờ sinh ý nghĩ là: Ta có thể phá tan kiết sử. Đây thiện nam! Ví như đại địa có thể giữ gìn vạn vật, nhưng chẳng bao giờ sinh ý nghĩ là sức ta có thể giữ gìn. Lửa cũng chẳng nghĩ là ta có thể đốt cháy vật. Nước cũng chẳng nghĩ là ta có thể thấm nhuần. Gió cũng chẳng nghĩ là ta có thể lay động vật. Không cũng chẳng nghĩ là ta có thể dung thọ hết. Niết-bàn cũng chẳng sinh ý nghĩ là ta khiến cho chúng sinh được diệt độ. Tam-muội Kim cương cũng như vậy, tuy có thể diệt trừ tất cả phiền não mà không cho là ta có thể diệt. Nếu có Bồ-tát an trụ vào Tam-muội Kim cương như vậy thì ở trong một niệm, biến thân như Phật mà số ấy vô lượng, cùng khắp hằng hà sa thế giới chư Phật trong mười phương. Bồ-tát này tuy làm sự biến hóa này nhưng tâm Bồ-tát ấy không có tư tưởng kiêu mạn. Vì sao?

Vì Bồ-tát thường nghĩ là hễ ai có định này thì có thể biến hóa như thế. Chỉ có Bồ-tát an trụ ở Tam-muội Kim cương như vậy mới có thể biến hóa. Đại Bồ-tát an trụ ở Tam-muội Kim cương như vậy thì ở trong một niệm, đi đến khắp hằng hà sa số thế giới của chư Phật trong mười phương, rồi trở lại chỗ cũ của mình. Bồ-tát tuy có năm lực này nhưng cũng chẳng nghĩ là ta có năng lực như vậy. Vì sao? Vì đó là do năng lực của nhân duyên Tam-muội. Đại Bồ-tát an trụ Tam-muội Kim cương như vậy, ở trong một niệm có thể đoạn trừ phiền não của chúng sinh trong hằng hà sa số thế giới khắp mười phương mà tâm không có tư tưởng đoạn trừ phiền não của các chúng sinh. Vì sao? Vì do năng lực của nhân duyên Tam-muội này. Bồ-tát trụ Tam-muội Kim cương này, dùng một thứ âm thanh của mình để diễn nói mà tất cả chúng sinh tùy theo chủng loại đều được hiểu rõ, thị hiện một sắc mà tất cả chúng sinh đều thấy đủ thứ sắc tướng, an trụ một chỗ, thân chẳng di dịch mà có thể khiến cho chúng sinh tùy theo nơi chốn của mình, đều thấy, diễn nói một pháp hoặc là giới hay nhập thì tất cả chúng sinh đều tùy theo sự hiểu biết của mình mà được nghe hết. Bồ-tát an trụ ở Tam-muội như vậy, tuy thấy chúng sinh mà tâm không có tướng chúng sinh, tuy thấy nam nữ mà không có tướng nam nữ, tuy thấy sắc pháp mà không có tướng sắc cho đến thấy thức cũng không có tướng thức, tuy thấy ngày đêm mà không có tướng ngày đêm, tuy thấy tất cả mà không có tướng tất cả, tuy thấy các kết của tất cả phiền não mà cũng không có tướng của tất cả phiền não, tuy thấy tám Thánh đạo mà không có tướng tám Thánh đạo, tuy thấy Bồ-đề mà không có tướng Bồ-đề, tuy thấy Niết-bàn mà không có tướng Niết-bàn. Vì sao? Đây thiện nam! Vì tất cả các pháp vốn không có tướng. Bồ-tát do năng lực của Tam-muội này nên thấy tất cả pháp vốn không có tướng. Vì sao gọi là Tam-muội Kim cương? Đây thiện nam! Ví như kim cương ở giữa trưa thì màu sắc chẳng định. Tam-muội Kim cương cũng như vậy, ở trong đại chúng thì sắc cũng chẳng định. Vậy nên gọi là Tam-muội Kim cương. Đây thiện nam! Ví như kim cương, tất cả người đời chẳng thể đánh giá. Tam-muội Kim cương cũng như vậy, công đức của Tam-muội này, tất cả hàng trời, người chẳng thể đánh giá, đo lường. Vậy nên gọi là Tam-

muội Kim cương. Nay thiện nam! Ví như người nghèo được báu kim cương thì được thoát khỏi bần cùng khốn khổ, quỷ ác tà độc. Đại Bồ-tát cũng như vậy, được Tam-muội này thì có thể xa lìa phiền não, các khổ, các ma tà độc. Vậy nên lại gọi là Tam-muội Kim cương. Đó gọi là Đại Bồ-tát tu kinh điển vi diệu Đại Niết-bàn thành tựu đầy đủ công đức thứ sáu.

